

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần đầu
tư phát triển nhà Constrexim ngày 10 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1084/TTr-TNMT ngày 25 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim, địa chỉ tại tầng 6, tòa nhà Golden Park, số 2, phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư hồ Mật Sơn, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư hồ Mật Sơn, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0102166702, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13 tháng 3 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0102166702.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu dân cư là 380.407 m² bao gồm: Đất công cộng 6.662 m²; đất trường học 14.621 m²; đất thương mại dịch vụ văn phòng 21.317 m²; đất ở 182.520 m²; đất cây xanh 19.813 m²; đất giao thông 134.085 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 1.389 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Dân số: 5.836 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, UBND thành phố Chí Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3137/GPMT-UBND

ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu công cộng (trường mầm non, trường học, nhà văn hóa, khu thương mại, dịch vụ, văn phòng) trong khu dân cư.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, lưu lượng tối đa 1.000m³/ngày.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của khu đô thị sinh thái Chí Linh sau đó chảy ra kênh Phao Tân - An Bài.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Hệ thống thoát nước mưa của dự án thuộc phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X (m) = 2333665; Y(m) = 591177.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.000 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý theo đường cống uPVC D200 dài 5m, chảy vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa của khu đô thị sinh thái Chí Linh và thoát ra kênh Phao Tân - An Bài.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT mức B, giá trị Cmax với hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không áp dụng	Quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	oC	-		
3	pH	-	5-9		
4	TSS	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	COD	mg/l	-		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	3 tháng/lần	Không áp dụng
8	TDS	mg/l	1.000		
9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
10	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50		
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
14	Coliforms	MNP/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại các công trình (*hộ dân, trường mầm non, trường học, nhà văn hóa, khu thương mại, dịch vụ, văn phòng*) được thu gom bằng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép D250-D600 có tổng chiều dài 11.611 m, đặt dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường thu gom nước thải từ các phân khu, độ dốc 0,4%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1000 m³/ngày đêm. Trên toàn hệ thống bố trí 744 hố ga để lắng cặn.

- Đường ống thu gom nước thải D250: Tại phân khu A dài 5797m; tại phân khu B dài 1020 m, độ dốc 0,4%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đường ống thu gom nước thải D300: Tại phân khu A dài 2253m; tại phân khu B dài 1093 m, độ dốc 0,4%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đường ống thu gom nước thải D400: Tại phân khu A dài 965 m, độ dốc 0,4%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đường ống thu gom nước thải D600: Tại phân khu A dài 217m; phân khu

B dài 266 m, độ dốc 0,4%, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt tại các công trình. Toàn bộ nước thải sau đó theo đường ống dẫn nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Lưới chắn rác thô → Bể thu gom → Máy tách rác tinh → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

- Công suất thiết kế hệ thống: 1.000m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể thu gom thể tích 63,2 m³; bể lắng cát và tách mỡ thể tích 28,5 m³; bể điều hòa thể tích 327,5 m³; bể thiếu khí 1 thể tích 91,4 m³, bể thiếu khí 2 thể tích 91,4 m³; bể hiếu khí 1 thể tích 159,9m³; bể hiếu khí 2 thể tích 159,9m³; bể lắng 1 thể tích 91,4 m³; bể lắng 2 thể tích 91,4 m³; bể khử trùng thể tích 35,2m³; bể chứa bùn thể tích 105,2 m³; mương quan trắc thể tích 1,32m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Nước Javen 7-9%: 37,5-70,5g/m³ nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 nên phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động. Các thông số quan trắc tự động quy định tại Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, bao gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni. Quan trắc định kỳ tần suất 3 tháng/lần.

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Phía Đông Nam khu đất.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã hoàn thiện.

- Camera theo dõi: Đã hoàn thiện.

- Kết nối, truyền số liệu: Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim hoàn thành trước ngày 31/12/2023.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- + Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.
- + Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 01 bơm nước thải 2,2KW, 03 bơm nước thải 1,5kW; 01 máy thổi khí 5,5kW, 01 bơm hút bùn 0,75kW, 01 bơm định lượng hóa chất 0,25kW để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.
- + Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
- + Thường xuyên nạo vét, vệ sinh các bể xử lý và vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.
- + Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.
- Biện pháp khắc phục:
 - + Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại khu dân cư hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
 - + Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
 - + Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.
 - + Khi xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.
 - + Trong trường hợp xảy ra sự cố, đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ngừng hoạt động xả nước thải, nước thải được lưu giữ tạm thời tại các bể, sau khi sửa chữa xong sẽ được bơm lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố dài, bể không còn khả năng lưu chứa, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 01/01/2024 - 30/06/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 1000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể điều hòa và 01 điểm tại bể chứa nước sạch sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 1 ngày, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT (C_{\max} với $K=1,0$) trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Trường hợp xả nước thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước hệ thống thoát nước mặt của khu vực, Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.7. Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3137/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn phát sinh khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2333665$; $Y(m) = 591210$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1600 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (mức B với $K_v = 0,8$; $K_p = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl mercaptan (CH_3SH)	mg/Nm^3	15	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Hydro sunfua (H_2S)	mg/Nm^3	6		
3	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ bể gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 1600 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật: Tháp hấp thụ (01 cái; kích thước 1,5m×3,0m; vật liệu thép CT3; bồn chứa dung dịch hấp thụ (01 cái; dung tích 360 lít); bơm hóa chất (01 cái; lưu lượng 155 lít/phút; cột áp 13m); quạt hút (01 cái; lưu lượng 1600 m³/h; áp suất 300Pa); ống thải (01 cái; kích thước Ø250; dài 1,85m).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH khối lượng 1,26kg/ngày. Định kỳ 3 tháng/lần xả bỏ dung dịch cũ và thay dung dịch hấp thụ mới. Dung dịch xả bỏ được đưa về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trang bị các thiết bị dự phòng (bơm dung dịch hấp thụ, quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 01/01/2024 - 30/06/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 1600 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trên ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường:

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3137/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

$$X(m) = 2333663; Y(m) = 591216.$$

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ, thay thế thiết bị gây tiếng ồn lớn hơn tiêu chuẩn cho phép.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 3-6 tháng/lần.

- Các thiết bị máy: máy thổi khí, bơm, máy nén khí,... được đặt bên trong nhà điều hành hệ thống, nhà điều hành được xây dựng kết cấu chắc chắn, tường gạch, móng, mái BTCT giúp bảo quản các thiết bị đồng thời hạn chế tiếng ồn, độ rung của thiết bị..

- Duy trì mật độ cây xanh theo đúng diện tích quy hoạch đã được duyệt để giảm tiếng ồn đồng thời tạo cảnh quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3137/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	100	16 01 12
3	Các thiết bị điện, bóng đèn led	Rắn	100	16 01 13
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 01
5	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại (dầu, mỡ...)	Rắn	20	18 02 01
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	15	18 01 03
7	Sản phẩm điện tử hỏng chứa thành phần nguy hại	Rắn	100	19 02 06
8	Bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật,....	Rắn	20	14 01 08
Tổng			505	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1236
2	Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thảm cỏ trong khu dân cư	5
Tổng		1241

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn khác

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bùn thải của hệ thống XLNT sinh hoạt	Bùn	80.000	12 06 10

2	Bao bì nhựa, nilon không nguy hại	Rắn	500	18 01 06
	Tổng		80.500	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại trong quá trình bảo dưỡng hệ thống điện, đèn chiếu sáng,... do công nhân của ngành điện lực trực tiếp thu gom và vận chuyển về Chi nhánh điện thành phố Chí Linh để chờ xử lý.

- Đối với CTNH từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân: tiến hành phân loại và thu gom riêng, đơn vị thu gom rác thải địa phương sẽ thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Đối với CTNH từ hoạt động chăm sóc cây xanh được đơn vị chăm sóc cây xanh thu gom mang đi xử lý.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình: Hàng ngày, đến giờ quy định người dân mang rác đổ lên xe thu gom của đơn vị thu gom rác thải địa phương.

- Chất thải rắn khu vực công cộng: bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại khu vực công cộng, định kỳ hàng ngày được đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 100 thùng chứa rác dung tích 150lít tại các khu vực nhà dân, khu dịch vụ và khu công cộng.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn khác

- Bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: Khi khối lượng bùn thải lớn, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý.

- Đối với CTR là lá cây, bụi đất từ hoạt động vệ sinh sân đường nội bộ: Hàng ngày các nhân viên quét dọn vệ sinh tiến hành vệ sinh tuyến đường nội bộ, thu gom bằng xe đẩy tay sau đó vận chuyển chất tải lên xe ép rác của địa phương mang đi xử lý.

- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước: Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3137/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 380.407 m² của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư hồ Mật Sơn, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh) (theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 01/06/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Dự án).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 01/06/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Dự án: Đấu nối nước mưa của dự án vào hệ thống thoát nước mưa của Khu đô thị sinh thái Chí Linh (theo quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 19/05/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư hồ Mật Sơn, thị xã Chí Linh, tỷ lệ 1/500 (điều chỉnh lần 2)).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư hoặc chủ dự án đầu tư thì chủ dự án đầu tư có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho UBND tỉnh để được cấp đổi giấy phép.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.